

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 198/2018/DS-PT

Ngày: 31-7-2018

V/v tranh chấp Quyền sử dụng đất và yêu
cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Công Mười

Ông Đặng An Thanh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Đỗ Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Trí Dũng- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2018/TLPT-DS ngày 12 tháng 4 năm 2018 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2017/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 905/2018/QĐPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1920. Địa chỉ: khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền cho ông Trần Văn H có ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1954. Địa chỉ: khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh theo văn bản ủy quyền ngày 24-02-2016 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lâm Khắc S - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Bị đơn: Tịch xá Ngọc T.

Địa chỉ: khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật cho Tịnh xá Ngọc T có bà Trầm Thị H, sinh năm 1960. Địa chỉ: khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Trầm Thị H: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1979; địa chỉ: Phòng A, nhà số B, đường N, phường B, quận C, TP.HCM; theo văn bản ủy quyền ngày 16/7/2018 (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Minh H- Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh. Trụ sở: Số A, đường L, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: ông Đồng Văn L; chức vụ: Chủ tịch UBND tỉnh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền cho ông Đồng Văn L có ông Trương Văn H; chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh theo văn bản ủy quyền ngày 03-3-2016 (có mặt).

2. Ông Trần Văn Q, sinh năm 1956. Địa chỉ: ấp Cổ Tháp B, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

3. Bà Trần Thị T, sinh năm 1947 (vắng mặt);

4. Ông Trần Văn M, sinh năm 1950; (có mặt).

5. Bà Trần Thị Q, sinh năm 1958 (vắng mặt);

6. Ông Trần Thanh Nhựt, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền cho các đương sự ông Q, bà T, bà Q và ông Nhựt: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1954. Địa chỉ: khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh theo văn bản ủy quyền ngày 24-02-2016 (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Trần Văn H và người đại diện của ông H là ông Nguyễn Văn C trình bày:

Nguồn gốc 239m² đất tranh chấp thuộc thửa 769, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại khóm 2, phường 8, thành phố Trà Vinh là của ông bà ông Trần Văn H để lại với mục đích là để chôn cất những người trong thân tộc. Trước năm 1975, trong thân tộc của ông H có 3 người cùng đi tu tại Tịnh xá Ngọc T sau đó qua đời và cũng trong phần đất của Tịnh xá Ngọc T có 09 ngôi mộ của thân tộc ông H. Do

có những ngôi mộ trong Tịnh xá nên ông H mới cho phép Tịnh xá xây chùa trên phần đất này, khi xây chùa phía gia đình ông H có nói chỉ cho xây chùa chứ không cho đứt phần đất trên. Về phía Tịnh xá khi có đất đã tự ý kê khai làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 230m², loại đất nghĩa địa, thuộc thửa 769, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại khóm 2, phường 8, thành phố Trà Vinh và được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng (QSD) đất vào ngày 30-8-2002.

Ông H yêu cầu phía Tịnh xá Ngọc T trả lại diện tích 230m², thửa số 769, tờ bản đồ số 6, tọa lạc khóm 2, phường 8, thành phố Trà Vinh cho gia đình ông H quản lý, vì phần đất này có mồ mả của ông bà ông H, đồng thời yêu cầu Tịnh xá Ngọc T phải tháo dỡ, di dời những tài sản gắn liền với diện tích đất này và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho phía Tịnh xá Ngọc T. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại các bản khai, trong quá trình giải quyết vụ án bà Trầm Thị H là người đại diện hợp pháp theo pháp luật của Tịnh xá Ngọc T là bị đơn trình bày: vào năm 1949 sư bà Ngô L (thế danh Ngô Thị Hội). Sau khi xuất gia tại chùa Phật Bửu ở ất, sư bà thấy giáo lý khất sĩ tại tổ đình Ngọc P sư bà tôn kính hình bóng khất sĩ giống như Phật thuở xưa nên xin gia nhập vào giáo hội Tịnh xá Ngọc P quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau thấy sức khỏe về già, sẵn có đất của ông bà để lại nên sư bà về cất cái am nhỏ để tu cùng với người em Ngô Thị C (pháp danh Tấn Liên) và người con Hứa Thị Ổ (pháp danh Ninh Liên). Cả 03 vị về lập nên tịnh thất, sư bà là người khai sơn tạo tự vào năm 1949. Bà Ngô L mất năm 1991, người kế thừa là sư cô Ninh L cũng mất vào năm 1995. Bà sư cô Trầm Thị H là đệ tử xuất gia vào năm 1988 là người kế thừa sư cô Ninh L để chăm sóc ngôi Tịnh xá. Vào năm 2002, tịnh xá được UBND tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.620m² thửa 770 và 230m² thửa 769 cùng tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Về phía Tịnh xá bà chỉ là người được giao để quản lý, gìn giữ chứ không phải là tài sản của riêng bà, nên bà không có quyền gì trả đất cho ông H và bà yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất này.

Nay Tịnh xá Ngọc T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc trả lại diện tích 230m², thửa 769, tờ bản đồ số 6. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Đồng Văn L – Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh ủy quyền cho ông Trương Văn H; chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh làm người đại diện là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Tịnh xá Ngọc T là đúng quy định của pháp luật, vì đất này từ trước tới nay không ai phát sinh tranh chấp. Theo tư liệu năm 1983 và năm 1991 ông Trần Văn H không có kê khai đăng ký, chỉ có chính quyền ấp Xóm Trảng, xã Nguyệt H kê khai, đăng ký. Chính quyền địa phương cũng xác nhận

là đất này qua các thời kỳ không có ai tranh chấp nên UBND tỉnh mới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Tịnh xá Ngọc T và việc cấp giấy là đúng trình tự, thủ tục và đối tượng theo quy định của pháp luật. UBND tỉnh không đồng ý thu hồi và hủy giấy chứng nhận đã cấp cho Tịnh xá Ngọc T, đề nghị giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp ông H chứng minh được những ngôi mộ trên là họ hàng của ông thì đề nghị Tòa án xem xét công nhận phần đất có những ngôi mộ cho thân tộc ông H quản lý, sử dụng chung.

Tại các bản khai, trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn M là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: ông là con của ông Trần Văn H, ông thống nhất theo lời trình bày của ông Nguyễn Văn C, ông không có bổ sung gì thêm.

Tại bản án số 23/2017/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 147, 153, 157, 165, 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 1987; các Điều 2, 3 và Điều 73 của Luật đất đai năm 1993; các Điều 46, 51, 105, 106, 107, 117, 135 và Điều 136 của Luật đất đai năm 2003;

Áp dụng các Điều 38, 39 của Nghị định số: 181/2004/NĐ-CP, ngày 29-10-2004 của Chính phủ về Thi hành Luật đất đai năm 2003.

Căn cứ các Điều 95, 102, 166, 167, 181, 203 của Luật Đất đai năm 2013; áp dụng các Điều 18, 21 của Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP, ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27-02-2009; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H.

Buộc Tịnh xá Ngọc T, đại diện là bà Trầm Thị H giao lại cho ông Trần Văn H đại diện cho thân nhân 05 ngôi mộ diện tích 69,29m² nằm trong tổng diện tích 230m² thuộc thửa 769, loại đất nghĩa địa, tờ bản đồ số 6, tọa lạc khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh với diện tích và vị trí cụ thể như sau:

- Phần A: diện tích 69,29m² nằm trong tổng diện tích 230m² thuộc thửa 769, loại đất nghĩa địa, tờ bản đồ số 6, tọa lạc khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh cho ông Trần Văn H đại diện quản lý, sử dụng chung. Vị trí như sau: Tây giáp phần còn lại của thửa 769, kích thước 7,4 mét; Nam giáp phần còn lại của thửa 769, kích thước 12,5 mét; Đông giáp một phần thửa 769 và

giáp một phần thửa 768, kích thước 4,1 mét; Bắc giáp phần còn lại của thửa 769, kích thước 11,6 mét.

Trên phần đất diện tích 69,29m² (phần A) có 02 mã đá, 03 mã đất và 01 cây dầu. Tên cụ thể của từng ngôi mộ như sau:

1. Nguyễn Văn D (mã đá).
2. Lữ Thị H (mã đá).
3. Hồ Thị H (mã đất).
4. Lữ Thị V (mã đất).
5. Lữ Văn L (mã đất).

- Phần B: Thuộc thửa 768, ông H không khởi kiện, tuy nhiên trên phần đất này có 02 mã đất của thân tộc ông H có tên như sau:

6. Hồ Văn B (mã đất).
7. Nguyễn Thị B (mã đất).

Đối với phần đất có 02 mã đất nêu trên nằm trên thửa 768 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông H hoặc người được giao quản lý các ngôi mộ có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu để được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

“Kèm theo kết quả khảo sát, đo đạc đất tranh chấp thửa đất số 769 và 770, tờ bản đồ số 6, tọa lạc khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh đề ngày 26-4-2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cung cấp và Biên bản khảo sát đất tranh chấp thửa 769 tờ bản đồ số 6, tọa lạc khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh đề ngày 15-8-2017 do Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh lập”.

Về lối đi vào khu mộ: không chấp nhận yêu cầu của ông H đục hàng rào Tỉnh xá để làm lối đi. Thân tộc ông H được đi từ cổng chính của Tỉnh xá vào khu mộ chăm sóc khi có nhu cầu.

Để đảm bảo cho việc Thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có nghĩa vụ giữ nguyên hiện trạng đất và huê lợi gắn liền với đất, không được thay đổi hiện trạng đất hoặc xây cất trồng thêm trong diện tích đất tranh chấp dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

[2] Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho phía Tỉnh xá Ngọc T do yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H không có cơ sở xem xét.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên chi phí đo đạc, thẩm định, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 30/10/2017, ông H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

Các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên trình bày tại phiên tòa hôm nay như sau:

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: UBND cấp giấy CNQSDĐ cho Tịnh xá trong khi trên đất có các ngôi mộ của người khác là không đúng về thủ tục nên phải hủy giấy CNQSDĐ. Nguồn gốc đất do ông Đồng Văn C đăng ký, ông C đã có văn bản trả lại đất cho ông H. Về tố tụng, việc ông H đứng ra khởi kiện là chưa đảm bảo thủ tục đại diện cho thân tộc. Về nội dung: Việc giao cho ông H đại diện quản lý phần đất có mộ nhưng án sơ thẩm tuyên lỗi đi vào khu mộ không phù hợp. Đề nghị hủy án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Nguyên đơn không có giấy tờ về đất, bị đơn đã sử dụng nhiều năm và đăng ký, làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ theo quy định. Án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đề nghị bác kháng cáo.

Bà Quế trình bày: các ngôi mộ vẫn có lỗi đi vào từ trước đến nay, các mộ này không phải của gia đình ông H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Ông H chưa được thân tộc ủy quyền nên không phải đại diện cho gia tộc, việc ông H cho rằng ông đại diện cho gia tộc đứng ra khởi kiện là không có căn cứ. Về nội dung: Án sơ thẩm tuyên buộc Tịnh xá giao lại cho ông H đại diện thân tộc 69,29m², vị trí đất thuộc phần ký hiệu A theo kết quả đo vẽ ngày 26/4/2016. Tuy nhiên bản sơ đồ lập ngày 26/4/2016 thể hiện phần lộ ký hiệu A có diện tích là 2,3m² nên không thể thi hành án được. Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho tòa sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Ông Trần Văn H khởi kiện yêu cầu Tịnh xá Ngọc T trả lại diện tích 230m² đất thuộc thửa 769, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại khóm 2, phường 8, thành phố Trà Vinh, đất đã được UBND tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Tịnh xá Ngọc T số U 708345 ngày 30/8/2002. Theo ông H trình bày thì phần đất này có 9 ngôi mộ của thân tộc, ông bà của ông H. Đồng thời ông H yêu cầu Tịnh xá Ngọc T phải di dời tài sản trên đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho bị đơn.

[2]- Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì trên diện tích đất tranh chấp thửa 769 có 07 ngôi mộ, gồm 05 mộ đất và 02 mộ xây gạch (BL: 96).

Theo kết quả khảo sát ngày 15/8/2017 thì trong 07 ngôi mộ này có 05 ngôi mộ thuộc thửa 769 và 02 ngôi mộ thuộc thửa 768 (BL: 234).

[3]- Xét về tố tụng:

Án sơ thẩm xác định các mộ trên diện tích 69,29m² thuộc thửa 769 là mộ của các ông bà: Nguyễn Văn D (mộ đá), Lữ Thị H (mộ đá), Hồ Thị H (mộ đất), Lữ Thị V (mộ đất), Lữ Văn L (mộ đất).

Tại các đơn xin xác nhận (BL: 204, 206, 208) thì mộ bà H là của gia đình bà Huỳnh Thị Kế N (bà Nương là con bà H), mộ bà Vận, ông L, ông H là của gia đình bên chồng bà Trần Thị Đ, mộ ông D là của gia đình ông Nguyễn Văn C (ông Dần là bố ông C). Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không đưa bà Nương, gia đình chồng bà Đ và ông C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Mặc khác, ông H cho rằng phần đất tranh chấp là của ông bà ông H để lại với mục đích làm nơi chôn cất những người trong thân tộc, tại phiên tòa phúc thẩm, ông C trình bày ông bà ông H là ông bà của khoảng 100 người hiện nay. Cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ xác định ông bà ông H là ai, xác định những người thừa kế của họ để đưa họ vào tham gia tố tụng, đồng thời phải làm rõ căn cứ nào xác định ông H là đại diện cho thân tộc để xác định tư cách khởi kiện của ông H.

[4]- Về nội dung: Quyết định của bản án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn giao lại cho ông H đại diện cho thân nhân 05 ngôi mộ diện tích 69,29m² thuộc thửa số 769, đất có vị trí là phần A kèm theo *Kết quả khảo sát, đo đạc đất tranh chấp thửa 769 và 770 tờ bản đồ số 6 đề ngày 26/4/2016* do văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh lập, vị trí: Phía tây là 7,4m, phía nam 12,5m, phía đông 4,1m, phía bắc 11,6m và Biên bản khảo sát đất tranh chấp thửa 769 đề ngày 15/8/2017 do Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh Lập. Tuy nhiên, theo Sơ đồ khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh lập ngày 26/4/2016 kèm theo bản án (BL: 104, 233) thì phần lô ký hiệu A chỉ có diện tích 2,3m² và không thể hiện kích thước tứ cận như trong Quyết định của bản án sơ thẩm. Bản sơ đồ này cũng không thể hiện tọa độ đất tranh chấp nên khó khăn cho việc thi hành án. Đối với Biên bản khảo sát ngày 15/8/2017 nội dung thể hiện biên bản do tòa án lập và vẽ lược đồ khu đất tranh chấp (vẽ tay), không có tọa độ, mốc giới nên không bảo đảm độ chính xác, cán bộ địa chính phường tham gia ký với tư cách là người làm chứng, không phải là người đo vẽ. Như vậy, Biên bản khảo sát ngày 15/8/2017 là do cán bộ tòa án lập và tự vẽ lược đồ trong khi cán bộ tòa án về nguyên tắc không có chuyên môn về việc đo vẽ sơ đồ đất nên không thể căn cứ vào biên bản này để thi hành án.

Tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự cũng đề nghị đo vẽ lại để có căn cứ xét xử và thi hành án. Đây là việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ của cấp sơ thẩm.

Các thiếu sót trên không thể khắc phục được tại phiên tòa phúc thẩm. Vì vậy, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận một phần kháng cáo của ông H, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để chuyển hồ sơ cho tòa sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định.

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự,

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn H

1- Hủy toàn bộ bản án số 23/2017/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh giải quyết lại vụ án.

2- Án phí: Ông Trần Văn H không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại cho ông H 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0014163 ngày 31/10/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSNDCC tại Tp. HCM;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Đương sự (theo địa chỉ, 10);
- Lưu, HQ (21b).

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng